

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 30-5-2023
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dư Công Thử**

2. Bà **Nguyễn Thị Sinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thùy Tr**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Tr có mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Thùy Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng hơn 01 năm, đến ngày 28/12/2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại thị trấn D rồi chuyển đến thôn S, xã Đ, huyện Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T sống không có trách nhiệm với

gia đình, vợ con mà ham chơi bời, thường xuyên nhậu nhọt say sưa, chửi bới, xúc phạm bà, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xung đột, dần có khoảng cách và không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, thậm chí có lần ông T có hành vi đánh đập bà, khiến bà tổn thương về tình cảm, khủng hoảng về tinh thần. Do không chịu đựng được lối sống của ông T nên tháng 08/2021, bà chuyển về nhà mẹ ruột tại thôn H, xã K, huyện Đ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai người con chung là cháu Nguyễn Võ Phúc Kh, sinh ngày 15/3/2013 và cháu Nguyễn Võ Khánh B, sinh ngày 04/3/2018. Các cháu đang ở với bà và do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Phúc Kh học lớp 4B tại trường tiểu học Quảng Lập, Đơn Dương; cháu Khánh B học trường mầm non Hoàng Oanh. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Hiện nay, bà làm giáo viên tại trường tiểu học Kambutte, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, thu nhập 5.000.000đ/tháng. Do bà có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng các con phát triển tốt về mọi mặt nên không yêu cầu ông Tiến phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, bà Tr có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phúc Kh và cháu Khánh B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; bà và ông T không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Võ Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Minh T được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Phúc Kh và cháu Nguyễn Võ Khánh B cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Tr không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: Bà Tr, ông T không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết ly hôn với ông T, ông T có địa chỉ cư trú tại Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 15 tháng 5 năm 2023, ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông T đã được UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2011 ngày 28/12/2011. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà Tr, ông T là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Tr cho rằng, bà và ông T sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con mà ham chơi bời, thường xuyên nhậu nhọt say sưa, chửi bới, xúc phạm bà, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xung đột, dần có khoảng cách và không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, thậm chí có lần ông T có hành vi đánh đập bà, khiến bà tổn thương về tinh cảm, khủng hoảng về tinh thần. Do không chịu đựng được lối sống của ông T nên tháng 08/2021, bà chuyển về nhà mẹ ruột tại thôn H, xã K, huyện Đ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai.

Tại biên bản xác minh ngày 18/4/2023 (*bút lục 34*), ông Nguyễn Minh Q, bà Nguyễn Thị L là cha mẹ ruột của ông T cho biết “*Năm 2011, anh T, chị Tr đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống cùng ông bà tại thị trấn D và xã Đ, huyện Đ. Cuộc sống chung vợ chồng anh chị cũng bình thường. Tuy nhiên, anh T làm nghề thợ hồ nên thường xuyên uống rượu, do đó vợ chồng hay có lời qua tiếng lại, cãi vã nhau*”. Tại biên bản xác minh ngày

18/4/2023 (bút lục 36), bà Lê Thị T là mẹ ruột của bà Tr cho biết “Năm 2011 chị Tr, anh T đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu say sấn chửi bới vợ con, thậm chí có lần đánh chị Tr. Tháng 8/2021, chị Tr đã chuyển về thôn H, xã K, huyện Đ sinh sống cùng gia đình bà nên vợ chồng ly thân từ đó”.

Đối với ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết và đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng đều vắng mặt, điều đó thể hiện sự bỏ mặc, không còn thiết tha đến tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Tr, ông T là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, mà đã sống ly thân, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Tr vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà Tr và ông T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Tr, ông T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Võ Phúc Kh, sinh ngày 15/3/2013 và cháu Nguyễn Võ Khánh B, sinh ngày 04/3/2018. Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Cũng theo biên bản xác minh nêu trên, ông Nguyễn Minh Q, bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị T đều cho biết “Chị Tr, anh T có hai người con chung là cháu Nguyễn Võ Phúc Kh và Nguyễn Võ Khánh B. Hiện nay, các cháu đang sống chung với chị Tr và học tập tại xã Q, huyện Đ. Trường hợp anh chị ly hôn thì giao các con chị Tr nuôi dưỡng là phù hợp”. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Đối với ông T trong những lần Tòa án triệu tập làm việc nhưng đều vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu Nguyễn Võ Phúc Kh đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo xác nhận của Trường tiểu học Quảng Lập và Trường Mần non Hoàng Oanh cho biết cháu Phúc Kh hiện đang học lớp 4, cháu Khánh B đang học lớp chồi 2 (bút lục 39, 40). Bà Tr đang làm giáo viên tại trường tiểu học Kambutte, thu nhập ổn định 5.000.000đ/tháng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Phúc Kh, Khánh B cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Bà Tr

không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Tr cho rằng không có nợ chung. Đối với ông T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc nhưng vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về vấn đề nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung. Sau này nếu có tranh chấp về nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị Thùy Tr đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T.

Cho bà Võ Thị Thùy Tr và ông Nguyễn Minh T được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Phúc Kh, sinh ngày 15/3/2013 và cháu Nguyễn Võ Khánh B, sinh ngày 04/3/2018 cho bà Võ Thị Thùy Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà Trang không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc bà Võ Thị Thùy Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009182 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (bà Trang đã nộp đủ). Ông Nguyễn Minh T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn